

Bản án số: 266/2022/HS-PT
Ngày: 22-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 181/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 năm đối với bị cáo Lê Mộng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 6 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Mộng N, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1983 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Công V và bà: Giáp Thị Kim Đ; chồng Phan Văn Đ1 (là bị cáo trong vụ án); có 03 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Lê Mộng N cùng chồng là Phan Văn Đ1 thành lập công ty

TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ P (viết tắt là công ty P), địa chỉ tại thôn B, xã P1, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Phan Văn Đ1 là người đại diện theo pháp luật đồng thời là giám đốc Công ty; Lê Mộng N là kế toán trưởng của Công ty.

Sau khi thành lập Công ty, Lê Mộng N và Phan Văn Đ1 nhận thấy có một số cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu mua không hóa đơn (không kèm theo hàng hóa) để hợp thức hóa đầu vào khi thanh, quyết toán công trình và quyết toán thuế nên đã nảy sinh ý định sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của Công ty P để xuất bán trái phép nhằm thu lợi bất chính.

Từ cuối năm 2016 đến năm 2017, Lê Mộng N đã trực tiếp quản lý hóa đơn của công ty P và thông qua trung gian là Đặng Thị Thu Ng, Nguyễn Thị Kim Ng và một số cá nhân không rõ lai lịch để bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty P. Phan Văn Đ1 là chồng của N và là giám đốc của Công ty, là người trực tiếp ký không lên các hóa đơn và các bản hợp đồng, chứng từ thanh toán ngân hàng để N trực tiếp quản lý và thực hiện việc mua bán hóa đơn. Tổng cộng từ lúc thành lập công ty đến khi tạm dừng hoạt động, công ty P đã kê khai tổng cộng 513 số hóa đơn GTGT. Trong đó đã báo hủy 95 hóa đơn với cơ quan thuế, có xuất bán hàng thực tế 02 hóa đơn từ việc mua hàng hóa trôi nổi trên thị trường, 03 hóa đơn N đã tiến hành viết nội dung nhưng chưa xuất bán cho người mua đã làm thất lạc; còn lại 413 hóa đơn, N đã xuất bán có ghi nội dung nhưng không có hàng hóa. Quá trình bán hóa đơn, N đã thỏa thuận tính tiền bán hóa đơn với người mua bằng số tiền phần trăm, cao hơn mức thuế do Nhà nước quy định để hưởng chênh lệch, thu lợi bất chính. Đối với mặt hàng xi măng, gạch, thép... và xăng dầu, 02 mặt hàng này N khai đã xin được hóa đơn đầu vào nên không phải nộp thuế.

Hành vi cụ thể của các bị can như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Lê Mộng N:

1.1. Công ty Cổ phần Y có thi công một số công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, quá trình thi công đã liên hệ mua vật tư và thuê máy móc thiết bị của nhiều cá nhân tự do mà không có hóa đơn. Để hoàn tất thủ tục kê khai thuế và hồ sơ, Nguyễn Thị Bích T1 là kế toán của công ty, nhờ Đặng Thị Thu Ng để tìm nguồn bán hóa đơn. Do có mối quan hệ với Lê Mộng N, nên Ng đã mua 05 hóa đơn GTGT số tiền 219.900.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N còn hưởng lợi bất chính số tiền 56.303.636 đồng.

1.2. Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Q thi công một số công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh nên mua cát của nhiều cá nhân tự do mà không có hóa đơn. Để đảm bảo thủ tục kê khai thuế và hồ sơ quyết toán, Trần Văn T2 là giám đốc của công ty đã liên hệ với Đặng Thị Thu Ng để tìm mua hóa đơn

hợp thức. Với thủ đoạn như trên, nên N và Ng đã bán 03 hóa đơn GTGT với số tiền 14.700.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 3.790.909 đồng.

1.3. Công ty Cổ phần xây dựng TL Thừa Thiên Huế thi công công trình các đường cống trên địa bàn thành phố Huế. Quá trình thi công, công ty đã giao khoán cho các đội thợ thi công thực hiện. Sau khi hoàn thiện công trình, các đội thi công này đã trực tiếp mua hàng của các xe vận chuyển và yêu cầu lái xe cung cấp hóa đơn và được cung cấp cho công ty 03 hóa đơn của công ty P. Qua đối chiếu thấy hợp lệ nên công ty đã thanh toán chi phí cho các đội thợ thi công bằng tiền mặt (hiện nay công ty không nhớ rõ lai lịch cụ thể của đội thi công nào giao các hóa đơn). N và Ng đã thừa nhận bán 03 hóa đơn GTGT với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 1.010.908 đồng.

1.4. Công ty TNHH Đ thi công công trình hoàn thiện lưới điện và chống quá tải lưới điện phía bắc Thành phố Huế. Quá trình thi công, Công ty đã thuê khoán cho các đội lao động ở địa phương và công ty sẽ thanh toán dựa trên bảng kê và khối lượng hoàn thành. Sau khi hoàn thiện công trình, các đội thợ này đã cung cấp cho công ty 06 hóa đơn GTGT của công ty P. Qua đối chiếu với khối lượng công trình thi công thấy hợp lệ nên công ty đã thanh toán chi phí cho các đội lao động này bằng tiền mặt. N và Ng đã thừa nhận bán 06 hóa đơn GTGT với số tiền 12.450.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 3.220.000 đồng.

1.5. Công ty TNHH G có nhận thầu thi công một số công trình. Quá trình thi công, Công ty đã thuê khoán cho các đội thi công ở các địa phương nơi thực hiện công trình tự chủ động mua vật liệu để thực hiện sau đó tiến hành thanh toán theo hóa đơn và khối lượng thực tế thi công. Sau khi hoàn thiện công trình, các đội thợ này đã cung cấp cho công ty 09 hóa đơn GTGT của công ty P. Qua đối chiếu với khối lượng công trình thi công thấy hợp lệ nên Công ty đã thanh toán chi phí cho các đội lao động bằng tiền mặt (hiện nay công ty không nhớ rõ lai lịch cụ thể của đội thi công nào giao các hóa đơn). N và Ng đã thừa nhận bán 09 hóa đơn GTGT với số tiền 18.900.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 4.354.545 đồng.

1.6. Công ty TNHH MTV P3 mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng để cung cấp cho các đơn vị thi công công trình, vào thời điểm này công ty đã giao cho lái xe tên là Đỗ Viết L1 làm thuê tại công ty (công ty không rõ địa chỉ cụ thể Long ở đâu chỉ nghe giới thiệu ở tại HT, Thừa Thiên Huế) trực tiếp mua hàng sau đó giao hóa đơn về công ty để thanh toán. Cụ thể 04 hóa đơn của Công ty P là do lái xe Long đem về. N và Ng đã thừa nhận bán 04 hóa đơn GTGT với số

tiền 8.650.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 1.970.227 đồng.

1.7. Công ty TNHH MTV Q có nhận thầu cung ứng cát cho một số công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình thực hiện, Công ty giao cho kế toán và một số nhân viên thu mua cát từ các bãi cát sạn, nên không có hóa đơn. Kế toán của Công ty tự liên hệ để mua về với 06 tờ hóa đơn của công ty P, kế toán mua từ ai thì không rõ. N và Ng đã thừa nhận bán 06 hóa đơn GTGT với số tiền 13.800.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 3.550.000 đồng.

1.8. Công ty TNHH MTV TM G kinh doanh trên lĩnh vực buôn bán hàng hóa vật liệu xây dựng với hình thức mua hàng tại các bãi vật liệu sau đó bán lại cho các đơn vị thi công tại công trình. Trong năm 2016, công ty đã mua hàng hóa tại các cơ sở bán hàng nhưng không có hóa đơn. Qua giới thiệu và liên hệ, Võ Văn Hoài B1 đã tìm và đặt mua hóa đơn từ Đặng Thị Thu Ng. Qua thỏa thuận tiền mua hóa đơn của các mặt hàng với tổng giá trị công ty G đã trả tiền cho Ng là 22.432.182 đồng. Thực tế Công ty G không trực tiếp mua bán hàng hóa gì với công ty P. N và Ng đã thừa nhận bán 06 hóa đơn GTGT số tiền 20.800.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 3.352.728 đồng.

1.9. Công ty TNHH MTV Thương mại KT (gọi tắt Công ty KT). Năm 2017, Công ty KT nhận thầu thi công công trình khu tái định cư Cụm Thương mại ĐX, Q1, Quảng Điền. Để thực hiện thi công, công ty đã liên hệ mua vật liệu xây dựng tại các bãi cát sạn ở chân cầu An Lỗ theo sự chỉ dẫn của Đặng Thị Thu Ng. Sau khi nhận hàng và thanh toán tiền mua hàng, công ty KT đã trả tiền mua hàng và yêu cầu nhận hóa đơn thì phía Đặng Thị Thu Ng yêu cầu phải trả thêm 3,5% giá trị mua hóa đơn. Trên thực tế Công ty KT không trực tiếp mua bán hàng hóa gì với công ty P. N và Ng đã thừa nhận bán 07 hóa đơn GTGT với số tiền 14.050.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 3.231.818 đồng.

1.10. Công ty TNHH MTV TM&DV BTT kinh doanh trên lĩnh vực vận tải hàng hóa vật liệu xây dựng với hình thức giao cho lái xe tự mua hàng trên thị trường sau đó thanh toán và nhận hóa đơn chứng minh nộp lại cho công ty. Trong năm 2017, công ty có 05 lái xe thường xuyên vận chuyển và đã đem về công ty 07 tờ hóa đơn của công ty P, do các lái xe chủ yếu là làm thời vụ nên không có hợp đồng cụ thể, hiện nay đã nghỉ việc nên không xác định được lái xe nào là người đem các hóa đơn này về cho công ty. N và Ng đã thừa nhận bán 07 hóa đơn GTGT với số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 3.200.000 đồng.

1.11. Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng LG có mua hàng hóa là vật liệu xây dựng của các các lái xe tự do với hình thức bên bán giao hàng hóa và kèm hóa đơn để công ty trực tiếp nhận hàng và thanh toán tiền. Sau khi nhận đủ số hàng hóa mà công ty mua và thanh toán tiền thì công ty được các lái xe này giao 05 tờ hóa đơn của công ty P. N và Ng đã thừa nhận bán 05 hóa đơn GTGT với số tiền 7.950.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 2.035.909 đồng.

1.12. Công ty TNHH MTV VM có nhận thầu thi công công trình đường quốc phòng tại địa bàn huyện AL, Thừa Thiên Huế có mua vật liệu xây dựng của một số cơ sở kinh doanh cá thể bán vật liệu xây dựng nên không có hóa đơn, do đó công ty đã tìm mua hóa đơn hợp thức. Công ty đã mua 02 tờ hóa đơn của công ty P thông qua Đặng Thị Thu Ng. N và Ng đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền bán là 100.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 21.933.182 đồng.

1.13. Công ty TNHH MTV TM DV Phú Bình có tiến hành thi công một số công trình trên địa bàn huyện Q2, P2. Công ty đã tổ chức thu mua vật tư nguyên liệu và xăng dầu cho các xe vận chuyển của nhiều nguồn nên không có hóa đơn chứng minh. Công ty đã mua 02 hóa đơn GTGT của công ty P từ Nguyễn Thị Kim Ng với mặt hàng nhiên liệu và Đặng Thị Thu Ng với mặt hàng vật liệu xây dựng. N, Thu Ng và Kim Ng đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 102.900.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho hóa đơn N đã thu lợi bất chính số tiền 87.190.500 đồng.

1.14. Công ty TNHH TT có mua cát để kinh doanh bán lại cho các đơn vị thi công công trình. Nguyễn Văn Tuấn đã liên hệ mua cát tại các bãi cát sạn tại khu vực huyện P2. Với phương thức nhận hàng và hóa đơn kèm theo sẽ thanh toán tiền. Công ty đã nhận được 01 tờ hóa đơn của Công ty P từ người bán hàng và tiến hành thanh toán số cát thực tế đã mua cho bên bán. N và Ng đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 29.250.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính Số tiền 6.750.000 đồng.

1.15. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại và dịch vụ MH có tiến hành tham gia thi công công trình san lấp tại huyện Quảng Điền. Công ty đã mua một số nguyên vật liệu là đất san lấp để thực hiện công trình của cơ sở kinh doanh cá thể nên không có hóa đơn. Để hợp thức, Công ty đã liên hệ với Đặng Thị Thu Ng và mua không 01 tờ hóa đơn của công ty công ty P. N và Ng đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 920.000 đồng.

1.16. Doanh nghiệp tư nhân Xí Nghiệp XD MN thi công một số công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình thi công, công ty đã mua một

số nguyên vật liệu là gỗ cốp pha để thực hiện công trình của các cơ sở kinh doanh cá thể không có hóa đơn nên đã liên hệ tìm mua hóa đơn không để hợp thức. Doanh nghiệp đã liên hệ với Đặng Thị Thu Ng mua không 01 tờ hóa đơn của công ty P. N và Ng đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 16.100.000 đồng. Tuy nhiên sau khi phía DNTN Minh Nhật yêu cầu trả lại hóa đơn và trả lại số tiền đã mua thì N đã trả lại số tiền này cho Đặng Thị Thu Ng để trả lại cho doanh nghiệp.

1.17. Công ty CP ĐT và XD VH xây dựng một số công trình tại huyện P2, Thừa Thiên Huế. Quá trình thi công, công ty mua hàng của các lái xe tự do bán hàng vật liệu xây dựng tại địa bàn thi công. Sau khi nhận đủ số lượng hàng hóa cần mua, công ty đã trả tiền mua hàng cho bên bán hàng là các lái xe và được nhận tổng cộng 11 hóa đơn của Công ty P (các lái xe cung cấp hóa đơn hiện nay công ty không biết rõ lai lịch cụ thể). Trên thực tế Công ty VH và công ty P không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau, các hóa đơn này là do người bán hàng là các lái xe cung cấp kèm theo hàng hóa. N và Ng đã thừa nhận bán 11 hóa đơn với tổng số tiền là 26.600.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, N thu lợi bất chính số tiền 7.420.000 đồng.

1.18. Công ty CP Lâm Nghiệp Y có tiến hành xây dựng công trình trang trại của công ty. Quá trình thực hiện, Công ty đã tiến hành mua cát của một người (không rõ địa chỉ nhà cụ thể ở đâu) sau khi mua hàng và trả tiền thì Công ty nhận 11 hóa đơn GTGT của Công ty P do người bán hàng cung cấp. N và Ng thừa nhận bán 11 số hóa đơn trên cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty Lâm Nghiệp Y thông qua Đặng Thị Thu Ng với 03 số hóa đơn, 08 hóa đơn còn lại bán cho cá nhân không rõ lai lịch với số tổng tiền là 7.600.000 đồng, Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, N thu lợi bất chính số tiền 1.938.178 đồng.

1.19. Công ty CP Vận tải HĐ có tiến hành thu mua đất để cung ứng cho các công trình, việc mua đất, công ty giao trách nhiệm cho các lái xe của công ty tự ứng tiền trước để liên hệ mua đất rồi nhận hóa đơn về thanh toán với bộ phận kế toán của công ty. Trong năm 2016 và năm 2017, công ty HĐ đã nhận tổng cộng 26 hóa đơn của công ty P từ các lái xe đem về (do công ty HĐ có số lượng lái xe nhiều, thay đổi thường xuyên không có lái xe cố định nên không xác định được chính xác cụ thể lái xe nào là người đưa các hóa đơn của công ty P về công ty để thanh toán). Công ty HĐ không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với Công ty P, không quen biết ai là người của công ty này. Toàn bộ số lượng hàng hóa trên 26 tờ hóa đơn của Công ty P là có hàng hóa thực tế từ việc mua hàng của các lái xe công ty tìm mua từ những đơn vị bán hàng, sau khi nhận hàng thanh toán tiền thì được nhận các hóa đơn từ phía người bán hàng cung cấp. N và Ng đã thừa nhận bán 26 số hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của

công ty P cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty HD với tổng số tiền là 55.200.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 12.744.750 đồng.

1.20. Công ty TNHH ĐT và XD PH có tham gia hoạt động kinh doanh, thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, quá trình thực hiện công ty đã tiến hành thuê nhân công tự do tại công trình nên khi hoàn thành đã thanh toán tiền cho các lao động tự do thì không có hóa đơn chứng từ. Công ty đã liên hệ với Đặng Thị Thu Ng để đặt vấn đề mua không hóa đơn mặt hàng nhân công. Sau khi đã thỏa thuận giá cả mua bán và khối lượng hàng hóa ghi trên hóa đơn, Ng đã liên hệ với Lê Mộng N để lấy 06 hóa GTGT đơn của Công ty P bán lại cho công ty PH.

Ngoài ra, công ty PH còn nhận 11 hóa đơn GTGT của công ty P với mặt hàng vật liệu xây dựng, công ty PH khai nhận đây là số hóa đơn do các lái xe vận chuyển vật liệu xây dựng cung cấp cho công ty sau khi hai bên đã thanh toán mua bán hàng hóa thực tế. Phía công ty PH không thừa nhận mua không số hóa đơn này.

N và Ng đã thừa nhận bán 17 hóa đơn GTGT viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty PH với tổng số tiền là 147.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 22.628.700 đồng.

1.21. Công ty TNHH MTV Xây Dựng QA. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn QA - Giám đốc. Năm 2016 và năm 2017, Công ty QA nhận thầu thi công một số công trình trên địa bàn thành phố Huế. Quá trình thực hiện, công ty đã tiến hành mua hàng hóa trôi nổi là các vật liệu xây dựng từ các lái xe, hộ kinh doanh cá thể và thuê nhân công tự do để thực hiện công trình, do số hàng hóa, dịch vụ này mua không có tư cách pháp nhân, không có hóa đơn chứng từ nên Công ty đã tiến hành mua không hóa đơn để hợp thức. Qua giới thiệu, Nguyễn QA - giám đốc công ty đã liên hệ với Đặng Thị Thu Ng để mua không các hóa đơn. Sau khi thỏa thuận xong, Nguyễn QA chỉ đạo Ngô Quý Thùy Linh trực tiếp liên hệ với Thu Ng để thực hiện việc mua bán hóa đơn không và làm thủ tục ký hợp đồng mua bán, chuyển tiền, nhận tiền tại ngân hàng. N và Ng đã thừa nhận bán 13 hóa đơn GTGT viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty QA với tổng số tiền là 567.100.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn gỗ và nhân công (riêng các hóa đơn xi măng N bán trực tiếp 2% và không phải nộp thuế 10% do đã có nguồn hóa đơn đầu vào) N thu lợi bất chính số tiền 132.372.145 đồng.

1.22. Công ty TNHH XD TD2 có mua cát xây dựng của ông Trung địa chỉ ở tại khu vực ven sông Bồ (không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể). Phương thức mua

bán nhận hàng và thanh toán là sau khi nhận hàng hóa và trả tiền mua hàng thì ông Trung giao các hóa đơn GTGT để xác nhận khối lượng. Từ năm 2016 đến năm 2017, Công ty TD2 đã nhận tổng cộng 16 hóa đơn GTGT của công ty P từ người bán hàng tên Trung. Trên thực tế công ty TD2 và công ty P không trực tiếp mua bán hàng hóa với nhau.

N và Ng đã thừa nhận bán 16 hóa đơn GTGT viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty TD2 thông qua Đặng Thị Thu Ng 05 số hóa đơn, và 11 hóa đơn cho cá nhân không rõ lai lịch với giá 33.600.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 8.693.992 đồng.

1.23. Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây dựng HN1 - Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Xuân H3 - Giám đốc. Năm 2017, DNTN HN1 có tiến hành thi công một số công trình trên địa bàn thị xã H, trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp đã tiến hành mua hàng hóa nguyên vật liệu xây dựng trôi nổi của các hộ kinh doanh cá thể nên khi mua hàng không có hóa đơn giá trị gia tăng để xác nhận. Do đó để hợp thức hóa cho số lượng hàng hóa đã mua mà không có hóa đơn, Nguyễn Xuân H3 đã tiến hành liên hệ tìm mua hóa đơn không để hợp thức. Năm 2017, Hùng đã liên hệ với Đặng Thị Thu Ng để mua 09 tờ hóa đơn mặt hàng vật liệu xây dựng và thuê máy móc.

Ngoài ra, trong năm 2016, DNTN HN1 còn sử dụng 02 hóa đơn của công ty P với mặt hàng dầu, số hóa đơn này, Hùng khai nhận đã mua trực tiếp từ Nguyễn Thị Kim Ng. Thực tế, DNTN HN1 và công ty P không có quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau.

N, Thu Ng và Kim thừa nhận bán 11 hóa đơn viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho DNTN HN1 với giá 22.550.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, N thu lợi bất chính số tiền 6.882.726 đồng.

1.24. Công ty TNHH ĐA có tổ chức thi công và cung ứng vật liệu xây dựng cho một số đơn vị, công trình trên địa bàn tỉnh. Công ty đã mua đất của một người phụ nữ tên Ng tự giới thiệu là người của công ty P chào hàng, vì thấy phù hợp với giá cả và tin tưởng nên công ty đã đồng ý mua đất của người phụ nữ tên Ng này. Sau khi nhận đủ số hàng là đất theo thỏa thuận và thanh toán tiền đồng thời nhận 06 hóa đơn GTGT của công ty P từ người phụ nữ đã bán hàng cho Công ty. N và Kim Ng đã thừa nhận bán 06 hóa đơn GTGT với số tiền 86.600.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 19.976.177 đồng.

1.25. Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và thương mại TLP có nhận thầu thi công công trình tại địa bàn huyện P2, Thừa Thiên Huế. Quá trình thi công, công ty có thuê nhân công tự do để thực hiện nên không có hóa đơn chứng từ,

do vậy công ty đã mua 02 tờ hóa đơn GTGT của công ty P thông qua Nguyễn Thị Kim Ng. Tuy nhiên, đến ngày 31/07/2017, công ty TLP yêu cầu trả lại hóa đơn và trả lại số tiền mua hóa đơn để làm thủ tục hủy hóa đơn, nên N đã trả lại số tiền trên cho Ng để Ng trả lại cho công ty TLP. Nên hiện nay N và Ng không hưởng lợi từ việc bán không 02 tờ hóa đơn này.

1.26. Công ty CP Xây Lắp và TM AB có tiến hành thi công một số công trình tại Đại học sư phạm Huế, quá trình thực hiện công ty đã thuê một số nhân công lao động tự do tự xưng là người của công ty, do cần người gấp để thi công nên đã nhận thuê số lao động này. Sau khi hoàn thành phần việc giao cho số lao động này, phía công ty AB đã tiến hành thanh toán tiền cho số lao động này và được nhận 01 tờ hóa đơn GTGT của công ty P. N và Kim Ng đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P với số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho tờ hóa đơn này, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 909.090 đồng.

1.27. Công ty Cổ phần QLDB và XD Công trình giao thông TT-Huế có thi công công trình đường La Sơn – Nam Đông và khu vực phía bắc thành phố Huế. Quá trình thực hiện, Công ty đã thuê đội nhân công do ông Tiến (không rõ địa chỉ cụ thể) tiến hành công trình này. Sau khi hoàn thành công trình, ông Tiến đã làm thủ tục thanh toán và có giao 01 tờ hóa đơn GTGT của công ty P, qua đối chiếu khối lượng công việc thấy phù hợp với thực tế thi công nên công ty đã thanh toán tiền cho ông Công. N và Kim Ng đã thừa nhận xuất bán trái phép 01 hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P với số tiền 19.800.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho tờ hóa đơn này, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 1.800.000 đồng.

1.28. Công ty TNHH KH thi công công trình xây dựng hội trường hạt kiểm lâm thành phố Huế. Quá trình thi công, công ty đã giao khoán cho các đội thợ ở địa phương (hiện nay không rõ lai lịch cụ thể) tự chủ động mua vật liệu để thực hiện sau đó tiến hành thanh toán thực tế. Sau khi hoàn thiện công trình, các đội thợ này đã cung cấp cho công ty 02 hóa đơn GTGT của công ty P. Qua đối chiếu với khối lượng công trình thi công thấy hợp lệ nên công ty đã thanh toán chi phí cho đội thợ thi công bằng tiền mặt. Trên thực tế Công ty KH và công ty P không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N và Kim Ng đã thừa nhận bán 02 hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty KH với số tiền 1.800.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho 02 tờ hóa đơn này, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 91.513 đồng.

1.29. Công ty TNHH LQ thi công một số công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty có mua vật liệu xây dựng và mua nhiên liệu cho phương tiện vận chuyển từ các cá nhân, hộ kinh doanh tự do nên không có hóa

đơn, do vậy công ty đã tìm để mua hóa đơn hợp thức. Qua giới thiệu, kế toán của công ty đã mua 02 tờ hóa đơn mặt hàng nhiên liệu và 04 tờ hóa đơn mặt hàng vật liệu xây dựng của công ty P, số hóa đơn trên là do mua từ Nguyễn Thị Kim Ng.

N và Kim Ng đã thừa nhận bán 06 hóa đơn GTGT với số tiền 26.700.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 14.623.271 đồng.

1.30. Công ty TNHH XD&PT PN thi công một số công trình trên địa bàn, để phục vụ thi công công ty đã có liên hệ với Lê Mộng N để mua gỗ cốp pha. Sau khi nhận đủ số gỗ và thanh toán tiền thì được Lê Mộng N cung cấp 02 tờ hóa đơn số 0000048 ngày 23/12/2016 và 0000094 ngày 29/12/2016 của công ty P. Theo trình bày số gỗ này, N thu mua lại từ các hộ dân có gỗ ở huyện Hướng Hóa, Quảng Trị sau đó bán lại cho công ty PN.

Năm 2017, công ty PN có mua một số khối lượng gỗ cốp pha phục vụ thi công công trình từ một số cơ sở kinh doanh không có hóa đơn nên đã liên hệ để tìm mua khống hóa đơn hợp thức cho số hàng hóa gỗ này. Lúc này, Công ty có mua thực tế một số lượng gỗ cốp pha nhỏ lẻ từ Lê Mộng N, nên kế toán của Công ty đã liên hệ với Nguyễn Thị Kim Ng và Lê Mộng N để nhờ xuất khống thêm một số khối lượng kèm theo số lượng gỗ đã mua thực tế. Qua liên hệ, công ty PN đã nhận 11 tờ hóa đơn GTGT của công ty P từ Nguyễn Thị Kim Ng và Lê Mộng N. Số hóa đơn này công ty PN phải trả số tiền hóa đơn là 10% giá trị thuế vì thực tế đã có mua gỗ của Lê Mộng N. Trên 11 hóa đơn năm 2017, N cũng như Ng và phía công ty PN không xác định được khối lượng đã bán thực tế và hóa đơn nào biết không, hóa đơn nào viết thêm khối lượng.

N thừa nhận có mua gỗ từ các hộ dân ở Quảng Trị sau đó bán lại cho công ty PN và đã xuất 02 tờ hóa đơn là đúng có hàng hóa thực tế. Còn lại 11 hóa đơn năm 2017, N không xác định được hóa đơn nào là khống hoàn toàn, hóa đơn nào có hàng hóa thực tế và hóa đơn nào biết thêm khối lượng. Nên không xác định được số tiền thu lợi bất chính từ việc xuất khống hóa đơn cho công ty PN.

1.31. Doanh nghiệp tư nhân PN1 thi công một số công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Doanh nghiệp đã tiến hành mua nhiên liệu cho các lái xe để vận chuyển hàng hóa, tuy nhiên khi mua không có hóa đơn nên khi quyết toán cần có hóa đơn để hợp thức. DNTN PN1 đã liên hệ với Nguyễn Thị Kim Ng để mua hóa đơn mặt hàng nhiên liệu với giá 600 đồng/1 lít dầu. Nguyễn Thị Kim Ng sau khi liên hệ với Lê Mộng N đã cung cấp cho DNTN PN1 04 tờ hóa đơn GTGT của công ty P. N và Kim Ng đã thừa nhận bán 04 hóa đơn GTGT với số tiền 28.600.000 đồng. Riêng hóa đơn dầu, N không phải trừ đi số tiền nộp thuế vì đã mua hóa đơn để hợp thức dầu vào nên N hưởng lợi số tiền 28.600.000

đồng.

1.32. Công ty TNHH MTV SX TMDV HL2 có mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng tại bãi cát sạn của một người phụ nữ tên Huệ ở chân cầu chợ Dinh (hiện nay đã giải tỏa, đi đâu không rõ, công ty không liên hệ được). Sau khi nhận đủ số hàng hóa cát mà công ty đặt mua và thanh toán tiền với bà Huệ thì được bà Huệ giao 06 tờ hóa đơn GTGT của công ty P. Trên thực tế Công ty HL2 không trực tiếp mua bán hàng hóa gì với công ty P. N và Kim Ng đã thừa nhận bán 06 hóa đơn với số tiền 13.000.000 đồng, sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn, N thu lợi bất chính số tiền 3.325.000 đồng.

1.33. Doanh nghiệp tư nhân QT1 hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, quá trình hoạt động giao trực tiếp cho lái xe tự liên hệ mua hàng sau đó đem hóa đơn về thanh toán, cuối năm 2016 và trong năm 2017, DNTN QT1 có giao cho lái xe Võ Ngọc H4 tự liên hệ mua hàng, sau đó lái xe này đã đem về 03 hóa đơn GTGT của Công ty P. Các hóa đơn này do lái xe trình bày là mua hàng trôi nổi sau đó mua hóa đơn của Lê Mộng N để hợp thức. Trên thực tế DNTN QT1 không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với Công ty P. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn cho lái xe tự do không rõ lai lịch nguồn gốc với số tiền là 5.700.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 1.283.636 đồng.

1.34. Công ty TNHH NN MTV Quản Lý khai thác công trình TL1 TT Huế có thi công công trình duy tu, sửa chữa một số kênh mương TL1 trên địa bàn huyện P2, công ty đã giao cho ông Văn Tr trạm trưởng Cửa lác, Mỹ Xuyên trực thuộc công ty tiến hành việc này. Quá trình thực hiện, ông Trí đã mua hàng hóa của các cơ sở bán lẻ nên không có hóa đơn GTGT, để quyết toán công trình, ông Trí đã nhờ ông Văn Vinh ở Quảng Thái, Quảng Điền (không rõ địa chỉ cụ thể) mua giúp hóa đơn hợp thức. Sau khi liên hệ ông Vinh đã cung cấp cho ông Trí 01 tờ hóa đơn GTGT của công ty P. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty TL1 cho cá nhân không rõ lai lịch với số tiền là 530.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các mặt hàng (do trong tờ hóa đơn này có 10% tiền thuế mặt hàng xi măng giá trị 334.016 đồng N không phải nộp thuế) N thu lợi bất chính số tiền 189.933 đồng.

1.35. Công ty TNHH Tập Đoàn NH1 thi công công trình duy tu, sửa chữa một số biển báo giao thông trên địa bàn thành phố Huế, quá trình thi công công ty đã tiến hành thuê nhân công và mua vật liệu xây dựng của các cơ sở bán vật liệu và nhân công tự do nên không có hóa đơn chứng từ thanh toán. Để hợp thức hóa, kế toán công ty là Lê Thị Mong đã mua 01 hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P. Trên thực tế công ty NH1 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa trực tiếp gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn

viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty NH1 thông qua cá nhân không rõ lai lịch với số tiền là 1.200.000 đồng. Sau khi trừ đi 10% kê khai nộp thuế cho hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 342.000 đồng.

1.36. Công ty TNHH MTV Xây dựng vận tải VT2 đã mua một số nguyên vật liệu để thực hiện công trình của cơ sở kinh doanh cá thể nên không có hóa đơn, Để hợp thức, kế toán của công ty là Cao Thị Mừng đã liên hệ tìm mua một tờ hóa đơn. Trên thực tế công ty VT2 và công ty P không có trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty VT2 thông qua cá nhân không rõ lai lịch với số tiền 2.300.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho tờ hóa đơn, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 522.727 đồng.

1.37. Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng TA thu mua hàng hóa là vật liệu xây dựng từ nhiều nguồn, trong đó có mua của công ty An Vinh Phú ở tại Quảng Điền. Sau khi nhận hàng và trả tiền thanh toán thì công ty đã được nhận tờ hóa đơn số 0000179 số tiền hóa đơn là 13.405.119 đồng của công ty P.

Ngoài ra, để thi công công trình, công ty có thuê nhân công lao động tự do, nên khi thanh toán tiền công không có hóa đơn nên công ty đã tiến hành tìm mua không hóa đơn để hợp thức. Trong năm 2017, Hồ Cương giám đốc công ty đã nhờ một người tên Tiến tự nhận là nhân viên của công ty Y mua giúp hóa đơn. Sau đó Tiến đã giao 05 hóa đơn của công ty P cho ông Cương với giá bán là 15% giá trị hàng hóa trước thuế. Trên thực tế, công ty Thanh An không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với công ty P. Sau khi biết được 01 hóa đơn nhân công này do công ty P hoạt động mua bán không hóa đơn nên Hồ Cương đã xé bỏ, hủy 05 tờ hóa đơn. N đã thừa nhận bán 06 hóa đơn GTGT với số tiền 8.600.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 999.997 đồng.

1.38. Doanh nghiệp tư nhân TN2 có mua vật liệu xây dựng của một số cơ sở kinh doanh bán vật liệu xây dựng nên không có hóa đơn nên đã tìm mua hóa đơn hợp thức. Bộ phận kế toán của doanh nghiệp đã liên hệ và mua 02 tờ hóa đơn của công ty P từ người phụ nữ tự xưng tên N. Trên thực tế DNTN TN2 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 644.701 đồng.

1.39. Công ty TNHH Xây dựng NT1 mua nguyên vật liệu của nhiều cơ sở kinh doanh và thuê xe vận chuyển của cá nhân tự do mà không có hóa đơn. Để đảm bảo thủ tục kê khai thuế và hồ sơ quyết toán, kế toán của công ty là Nguyễn Thị Thu Thanh đã mua 03 hóa đơn GTGT của công ty P. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty NT1 với số

tiền 4.500.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.167.814 đồng.

1.40. Công ty TNHH MTV PGT có mua hàng hóa là vật liệu xây dựng của bà Nguyễn Thị B1 giới thiệu ở xã HV. Sau khi mua hàng và nhận đủ số hàng hóa đã mua thì công ty PGT nhận được 02 tờ hóa đơn GTGT của công ty P từ bà Bé để thanh toán tiền. Trên thực tế công ty PGT và công ty P không có mối quan hệ trực tiếp mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 6.500.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10%, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 1.468.182 đồng.

1.41 Công ty TNHH MTV Tư vấn XD&TM TH có mua hàng hóa là vật liệu xây dựng từ các lái xe tự do với phương thức bên bán giao hàng hóa và hóa đơn kèm theo, công ty sẽ nhận hàng đối chiếu hóa đơn và thanh toán tiền mua hàng. Sau khi nhận đủ số hàng hóa đã mua và nhận 02 hóa đơn GTGT của công ty P từ các lái xe, công ty TH đã thanh toán tiền mặt cho số lái xe này. Trên thực tế công ty TH và công ty P không có mối quan hệ mua bán trực tiếp hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 4.200.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10%, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 1.087.830 đồng.

1.42. Công ty TNHH HL có mua hàng hóa là vật liệu xây dựng từ các lái xe tự do không rõ lai lịch với phương thức bên bán giao hàng hóa và hóa đơn kèm theo, công ty sẽ nhận hàng đối chiếu hóa đơn và thanh toán tiền mua hàng. Sau khi nhận đủ số hàng hóa đã mua và nhận được 02 hóa đơn GTGT của công ty P từ các lái xe này, công ty HL đã thanh toán tiền mặt cho số lái xe. Trên thực tế công ty HL và công ty P không có mối quan hệ mua bán trực tiếp hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 4.100.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10%, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 1.009.093 đồng.

1.43. Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng PB có tiến hành mua vật liệu xây dựng của ông Lê Xuân Đào ở tại Thị xã HT. Sau khi nhận đủ số hàng hóa cần mua thì phía ông Đào giao cho công ty 02 tờ hóa đơn GTGT của công ty P để xác định khối lượng đã bán và công ty đã tiến hành thanh toán tiền mặt. Trên thực tế công ty PB và công ty P không có mối quan hệ mua bán trực tiếp hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 4.850.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.255.550 đồng.

1.44. Công ty TNHH MTV TM &XD PN2 đã mua cát của các lái xe không rõ nguồn gốc để bán lại, sau khi nhận đủ số hàng và yêu cầu hóa đơn thì công ty đã nhận được 02 hóa đơn GTGT của công ty P từ các lái xe. Qua đối chiếu đầy đủ số lượng, công ty đã thanh toán tiền mặt cho các lái xe này. Trên thực tế công ty PN2 và công ty P không có mối quan hệ mua bán trực tiếp hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn viết không nội dung lên hóa

đơn của công ty P cho công ty PN2 thông qua các cá nhân là lái xe không rõ lai lịch với số tiền 4.300.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.083.182 đồng.

1.45. Công ty CP Tài Việt Y đã mua cát của lái xe không rõ nguồn gốc để bán thi công, sau khi nhận đủ số hàng cần mua và yêu cầu hóa đơn thì công ty đã nhận được 01 hóa đơn GTGT của công ty P từ lái xe. Qua đối chiếu số lượng hàng hóa đầy đủ công ty đã thanh toán tiền mặt cho lái xe này. Trên thực tế công ty và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty Tài Việt Y thông qua cá nhân là lái xe không rõ lai lịch 2.340.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10%, còn lại N thu lợi bất chính số tiền 540.000 đồng.

1.46. Công ty TNHH MTV HL1 hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực vận tải hàng hóa, do vậy quá trình kinh doanh thường giao trực tiếp cho các lái xe tự chủ động mua nhiên liệu để phục vụ vận chuyển, sau đó đem hóa đơn về công ty thanh toán tiền. Trong năm 2016, lái xe của công ty đã giao 01 hóa đơn GTGT của công ty P. Do công ty thuê các lái xe theo thời vụ nên hiện nay các lái xe thời điểm này đã nghỉ việc không xác định được lái xe nào đem tờ hóa đơn trên về. Trên thực tế công ty HL1 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty HL1 thông qua các lái xe không rõ lai lịch với số tiền 1.760.000 đồng. Đối với mặt hàng dầu, N đã hợp thức hóa đơn đầu vào nên N thu lợi bất chính toàn bộ số tiền 1.760.000 đồng.

1.47. Công ty TNHH SXTM LMX thi công công trình tại xã Dương Hòa, thị xã HT, quá trình thực hiện công ty có thuê xe của một người đàn ông tên Quý không rõ địa chỉ cụ thể. Sau khi ông Quý tiến hành xong công việc thì phía công ty LMX kiểm tra khối lượng, phù hợp nên thanh toán tiền mặt và nhận 01 hóa đơn GTGT của công ty P từ ông Quý. Trên thực tế công ty LMX và công ty P không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 1.850.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 168.182 đồng.

1.48. Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng VB có mua nguyên vật liệu là sắt, thép, xi măng tại các người kinh doanh cá thể. Sau khi mua hàng thanh toán tiền hàng hóa thì công ty được nhận 01 tờ hóa đơn GTGT của công ty P từ người bán hàng. Trên thực tế công ty VB và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 2.300.000 đồng. Đối với hóa đơn mặt hàng sắt, thép, N đã xin được các hóa đơn mặt hàng này từ các cá nhân không rõ lai lịch để hợp thức hóa đơn đầu vào, nên N thu lợi bất chính toàn bộ số tiền 2.300.000 đồng.

1.49. Công ty TNHH MTV Xây dựng KD1 thi công dự án giao thông trên địa bàn huyện P2, Công ty đã tiến hành giao khoán cho một số lao động tại địa phương tiến hành thực hiện (do thời gian đã lâu nên không rõ chính xác số người này). Sau khi thi công xong công trình, số nhân công lao động này đã giao 01 hóa đơn GTGT của công ty P để yêu cầu thanh toán. Qua kiểm tra đối chiếu khối lượng công trình phù hợp nên công ty đã tiến hành thanh toán tiền cho số nhân công này. Trên thực tế công ty KD1 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa trực tiếp gì với nhau. Quá trình hoạt động, công ty đã làm thất lạc tờ hóa đơn này. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 1.800.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 418.181 đồng.

1.50. Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Y1 có cung cấp vật liệu xây dựng cho công trình cải tạo môi trường nước tại Thành phố Huế. Quá trình thực hiện, công ty đã cắt từ công ty P do Phan Văn Đ1 và Lê Mộng N quản lý. Phía công ty P đã xuất trước 01 hóa đơn GTGT cho Công ty với số lượng theo yêu cầu cần mua, hàng hóa sẽ giao sau. Phía Công ty đã thanh toán tiền trước cho công ty P. Tuy nhiên sau đó phía công ty P không xuất hàng hóa theo cam kết nên phía Công ty Y1 đã liên hệ và trả lại tờ hóa đơn trên và nhận lại số tiền hàng đã bán. N thừa nhận đã viết khống 01 tờ hóa đơn GTGT cho công ty Y1 mà không có hàng hóa thực tế đi kèm.

1.51. Công ty TNHH MTV QH2 đã mua hàng hóa là cát để xây dựng từ một lái xe không rõ nguồn gốc tới giới thiệu bán hàng. Sau khi thấy giá cả phù hợp nên công ty đã tiến hành mua hàng. Sau khi nhận đủ số hàng và thanh toán tiền hàng, công ty nhận được 01 tờ hóa đơn GTGT của công ty P từ lái xe. Trên thực tế công ty QH2 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa trực tiếp gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn với số tiền 600.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 141.818 đồng.

1.52. Công ty TNHH MTV TN4 có mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng của công ty Q. Sau khi nhận đủ số hàng hóa mà công ty đặt mua và thanh toán tiền thì được giao 03 tờ hóa đơn GTGT của công ty P. Công ty TN4 không trực tiếp mua bán hàng hóa gì với công ty P. Số hóa đơn trên do phía công ty Q giao. Tuy nhiên phía công ty Q không thừa nhận cung cấp số hóa đơn này cho công ty TN4. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn GTGT viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho công ty TN4 thông qua người mua không rõ lai lịch với số tiền 6.000.000 đồng, sau khi kê khai thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.495.854 đồng.

1.53. Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và TM HST đã mua một số loại gỗ cốp pha, đà chống để thực hiện công trình của những người bán hàng khi mua hàng có yêu cầu xuất hóa đơn. Sau khi nhận đủ số hàng cần mua, và thanh toán

tiền hàng phía công ty đã nhận được 01 hóa đơn GTGT của công ty P do phía người bán hàng giao với số tiền thực tế đã trả. Trên thực tế công ty HST và công ty P không có trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 12.400.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 581.818 đồng.

1.54. Công ty TNHH HS tham gia cung cấp vật liệu cho các dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Quá trình thực hiện công ty đã sử dụng phương tiện vận chuyển là xe ô tô của công ty để vận chuyển vật liệu xây dựng. Công ty đã giao khoán cho các lái xe tự chủ động mua nhiên liệu để phục vụ vận chuyển, sau đó đem hóa đơn về công ty thanh toán. Tổng cộng các lái xe đã đem về cho công ty HS 03 hóa đơn GTGT của công ty P. Công ty HS và công ty P không có quan hệ mua bán hàng hóa thực tế với nhau. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn GTGT với số tiền 21.450.000 đồng. Đối với mặt hàng dầu, N đã xin hóa đơn để hợp thức hóa dầu vào nên số tiền bán hóa đơn dầu N thu lợi toàn bộ số tiền 21.450.000 đồng.

1.55. Doanh nghiệp tư nhân TL3 đã thu mua lại các vật liệu xây dựng của các hộ kinh doanh trên địa bàn. Sau khi nhận đủ hàng hóa thì yêu cầu phía bán hàng giao hóa đơn để thanh toán thì Doanh nghiệp được các hộ kinh doanh này giao cho 04 tờ hóa đơn GTGT của công ty P. Sau khi nhận hóa đơn thì phía DNTN TL3 đã trả tiền thanh toán cho phía hộ kinh doanh bán hàng. Phía DNTN TL3 thừa nhận không có quan hệ mua bán hàng hóa gì với công ty P, các hóa đơn này là do phía hộ kinh doanh bán hàng cho doanh nghiệp cung cấp. Sau khi biết được số hóa đơn này không hợp lệ, công ty đã tiến hành trả lại và làm thủ tục loại bỏ hóa đơn. N thừa nhận bán số hóa đơn nói trên cho DNTN TL3 mà không có quan hệ mua bán hàng hóa gì với công ty này thông qua cá nhân không rõ lai lịch với số tiền 122.700.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% cho các hóa đơn N thu lợi bất chính số tiền 28.278.864 đồng.

1.56. Công ty TNHH TM, DV Vận tải TP thu mua lại các vật liệu xây dựng của các hộ kinh doanh trên địa bàn, việc này công ty giao cho kế toán và nhân viên kỹ thuật thực hiện. Sau khi mua và nhận đủ hàng hóa thì yêu cầu phía bán hàng giao hóa đơn để thanh toán, lúc này công ty được các hộ kinh doanh này giao cho 07 tờ hóa đơn của công ty P. Sau khi nhận hóa đơn thì phía Công ty đã trả tiền thanh toán cho phía hộ kinh doanh bán hàng. Công ty Tuấn Phát và công ty P không có quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. Sau khi biết được số hóa đơn này không hợp lệ, công ty đã tiến hành trả lại và làm thủ tục loại bỏ hóa đơn. N thừa nhận bán số hóa đơn nói trên cho Công ty Tuấn Phát mà không có hàng hóa thực tế thông qua cá nhân không rõ nguồn gốc lai lịch với số tiền 251.900.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 58.115.911 đồng.

1.57. Công ty CP DV TM&XD PN2 mua cát của lái xe không rõ nguồn gốc để bán lại hưởng chênh lệch, sau khi nhận đủ số hàng cần mua và yêu cầu hóa đơn thì công ty đã nhận được 01 hóa đơn của công ty P từ lái xe. Qua đối chiếu đầy đủ công ty đã thanh toán tiền mặt cho các lái xe này. Trên thực tế công ty PN2 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 237.500 đồng.

1.58. Công ty TNHH MTV XD TP mua hàng hóa là vật liệu xây dựng để thực hiện từ các lái xe tự do với phương thức bên bán giao hàng và hóa đơn kèm theo, công ty sẽ nhận hàng đối chiếu hóa đơn và thanh toán tiền mua hàng. Sau khi nhận đủ số hàng hóa đã mua và nhận 02 hóa đơn của công ty P từ các lái xe, công ty đã thanh toán tiền mặt cho số lái xe này. Trên thực tế công ty TP và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 02 hóa đơn GTGT với số tiền 4.700.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng.

1.59. Công ty CP Đầu tư, phát triển VH thi công gói thầu sửa công trình nhà thờ đại tướng N2 tại huyện Quảng Điền, quá trình thực hiện công ty đã giao trực tiếp cho các nhân viên thi công tiến hành thu mua gỗ tại địa bàn để thi công. Sau khi hoàn thành công trình, số nhân viên này nộp lại cho công ty 01 tờ hóa đơn của công ty P, qua kiểm tra đối chiếu với công trình, công ty đã thanh toán tiền mặt cho số nhân viên này. Do nhân viên của công ty thuê theo thời vụ nên không có hợp đồng chính thức, hiện nay cũng đã nghỉ việc nên không xác định chính xác được nhân viên nào nhận tờ hóa đơn này. Trên thực tế công ty VH và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 640.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 29.896 đồng.

1.60. Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng MT1 mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng của các hộ kinh doanh với hình thức bên bán giao hàng hóa và kèm hóa đơn để công ty trực tiếp nhận hàng và thanh toán tiền. Sau khi nhận đủ số hàng hóa mà công ty mua và thanh toán tiền thì công ty được các người bán hàng giao 03 tờ hóa đơn của công ty P. Công ty MT1 không trực tiếp mua bán hàng hóa gì với công ty P. Số hóa đơn trên do phía người bán hàng không rõ lai lịch cung cấp. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn GTGT với số tiền 4.600.000 đồng, sau khi kê khai thuế 10% N còn thu lợi bất chính số tiền 1.054.545 đồng.

1.61. Công ty TNHH HT3 xây dựng một số công trình tại huyện P2, Thừa Thiên Huế. Quá trình thực hiện công ty đã thuê các lao động tự do tại địa bàn (thuê bằng miệng không có hợp đồng). Khi thi công thì các lao động tự do này ứng tiền để mua nguyên vật liệu xây dựng công trình, sau đó đem hóa đơn về để

thanh toán, quá trình thực hiện xong công trình, số lao động này đã đưa về công ty 12 tờ hóa đơn của Công ty P. Qua kiểm tra thực tế thấy phù hợp nên công ty đã thanh toán cho số hóa đơn này. Trên thực tế, công ty HT3 không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với công ty P. N thừa nhận bán 12 hóa đơn GTGT với số tiền 26.400.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 6.060.003 đồng.

1.62. Công ty TNHH MTV HTN mua hàng hóa của các lái xe là người cung cấp hàng hóa, khi mua hàng có yêu cầu cung cấp hóa đơn. Do vậy khi nhận hàng phía các lái xe cung cấp hóa đơn thì công ty HTN thanh toán tiền theo hóa đơn. Trong năm 2016 và năm 2017, công ty HTN đã nhận tổng cộng 31 hóa đơn của công ty P từ người bán hàng là các lái xe cung cấp hàng hóa. Trên thực tế công ty HTN và công ty P không có trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N thừa nhận bán số hóa đơn nói trên cho một số lái xe với số tiền 59.350.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 13.693.998 đồng.

1.63. Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nhang TH5 thi công công trình xây dựng mở rộng, nâng cấp nhà máy sản xuất trong khuôn viên Công ty. Để thi công, công ty đã thuê một người đàn ông ở khu vực Thị xã H có tên là Trịnh Hoàng Bằng (không rõ địa chỉ nhà cụ thể ở đâu), quá trình thực hiện giao cho ông Bằng tự mua vật liệu và sử dụng xe máy. Sau khi thực hiện xong, đổi chiều khối lượng thì Công ty Nhang TH5 đã thanh toán tiền cho ông Bằng này và nhận 04 hóa đơn giá trị gia tăng của công ty P. N thừa nhận bán số hóa đơn nói trên cho Công ty Nhang TH5 mà không có hàng hóa thực tế thông qua cá nhân không rõ lai lịch với số tiền 6.390.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.031.817 đồng.

1.64. Công ty TNHH TGT mua bán vật liệu xây dựng tại các bãi vật liệu cát sạn để bán lại cho các đơn vị thi công với hình thức mua nhận hàng có hóa đơn sau đó thanh toán tiền cho bên bán hàng. Quá trình mua hàng công ty đã nhận tổng cộng 31 tờ hóa đơn từ các bãi vật liệu, hiện nay không nhớ rõ cụ thể từ bãi vật liệu nào. Thực tế công ty TGT và công ty P không có quan hệ mua bán hàng hóa trực tiếp với nhau. N thừa nhận bán 31 số hóa đơn viết không nội dung lên hóa đơn của công ty P cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty TGT với số tiền 68.500.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 15.764.000 đồng.

1.65. Công ty TNHH XD TM&DV BH mua hàng hóa từ một số người bán hàng vật liệu xây dựng, cũng như một số lái xe tự liên hệ với công ty để bán hàng. Qua giá thành đưa ra phù hợp nên công ty đã đồng ý mua hàng của những lái xe. Sau khi nhận đủ hàng hóa để thực hiện thi công công trình, công ty đã

tiền hành trả tiền thanh toán cho người bán hàng và được nhận 10 hóa đơn của công ty P từ những lái xe bán hàng. Ngoài ra, do Công ty mua một số hàng hóa trôi nổi từ các nguồn gốc không có hóa đơn, nên Hoàng Minh Chất - giám đốc đã chỉ đạo kế toán liên hệ với số lái xe tự do để nhờ mua hóa đơn và đã mua 02 hóa đơn. Còn lại 10 hóa đơn của công ty P còn lại là do số người bán hàng cung cấp cho công ty BH. Trên thực tế, công ty BH và Công ty P không trực tiếp quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N thừa nhận bán 12 hóa đơn viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho các lái xe và ghi người mua hàng là Công ty BH với số tiền 55.100.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 12.446.817 đồng.

1.66. Công ty TNHH MTV TM và DV NP có mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng của các lái xe với phương thức bên bán là các lái xe giao hàng và giao hóa đơn kèm hàng hóa để công ty thanh toán tiền. Sau khi nhận đủ số hàng hóa mà công ty đặt mua và thanh toán tiền thì công ty được các lái xe này giao 03 tờ hóa đơn của công ty P. Công ty NP không trực tiếp mua bán hàng hóa gì với công ty P. Số hóa đơn trên do phía người bán hàng là các lái xe không rõ lai lịch cung cấp. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn GTGT với số tiền 6.500.000 đồng, sau khi kê khai thuế 10% N còn thu lợi bất chính số tiền 1.476.000 đồng.

1.67. Công ty TNHH MTV TP mua vật liệu xây dựng của ông Học ở tại địa bàn xã HV (hiện nay giám đốc công ty đã chết nên không xác định rõ địa chỉ cụ thể). Sau khi mua và nhận hàng thanh toán tiền mua hàng cho ông Học thì công ty được ông Học giao 03 tờ hóa đơn của công ty P. Trên thực tế công ty TP và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. N đã thừa nhận bán 03 hóa đơn GTGT với giá 6.500.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 1.497.727 đồng.

1.68. Công ty TNHH TM và XD HH thi công công trình đường nội bộ thôn 3 xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Giao cho Lê Doãn Việt nhân viên của công ty làm nhiệm vụ giám sát thi công và quản lý nguyên vật liệu tại công trình. Việc thi công mua vật liệu xây dựng, nhân viên Việt đã mua hàng của một người tên Kỳ tự nhận là nhân viên của công ty P sẽ bán hàng và vận chuyển vật liệu đến tận công trình. Sau khi nhận đủ số hàng hóa cần mua và thanh toán tiền cho người đàn ông tên Kỳ thì nhận được 01 hóa đơn của công ty P. Trên thực tế công ty HH và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. Các hóa đơn này đều do người đàn ông bán hàng hóa tên Kỳ giao cho nhân viên của công ty đem về nộp lại. N đã thừa nhận bán 06 hóa đơn viết khống nội dung lên hóa đơn của công ty P cho Công ty HH với số tiền 11.900.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 2.718.181 đồng.

1.69. Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp điện HP3 thi công xây lắp đường dây truyền tải 110Kv, dự án nhà máy thủy điện A Lin B1 thuộc địa điểm huyện P2, Thừa Thiên Huế với thời gian thi công là 21 tháng. Trong năm 2017, quá trình thi công hạng mục trên, nhân viên của công ty là Đoàn Thế Bình đã nhờ một người đàn ông tên Phú khoảng 30 tuổi (không rõ địa chỉ lại lịch cụ thể) liên hệ mua vật liệu xây dựng là đá và vận chuyển đến công trình. Sau khi nhận đủ khối lượng và kiểm tra xác nhận, công ty đã thanh toán tiền cho ông Phú với số tiền 12.000.000 đồng và nhận được 01 hóa đơn giá trị gia tăng của công ty P từ ông Phú. Trên thực tế công ty điện HP3 và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. Hóa đơn này do người đàn ông tên Phú đã giao cho nhân viên của công ty đem về nộp lại để thanh toán. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 309.909 đồng.

1.70. Công ty Cổ phần xây lắp điện ĐN thi công công trình xây lắp đường dây và trạm biến áp thị xã H, huyện Nam Đông và huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty đã giao cho xí nghiệp xây dựng ĐN là đơn vị trực thuộc tiến hành thi công, quá trình thi công, xí nghiệp đã tiến hành mua vật tư của một người phụ nữ không rõ lại lịch ở tại huyện A Lưới. Sau khi nhận số lượng vật tư đúng theo thỏa thuận thì xí nghiệp đã thanh toán tiền cho người phụ nữ bán hàng và nhận được 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của công ty P. Trên thực tế công ty điện ĐN và công ty P không có mối quan hệ mua bán hàng hóa gì với nhau. Hóa đơn này do người phụ nữ bán hàng đã giao cho nhân viên của xí nghiệp thi công đem về nộp lại công ty để thanh toán. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 1.900.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 427.727 đồng.

1.71. Công ty TNHH MTV Xây lắp TT thi công công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn –Túy Loan, quá trình thi công, công ty giao nhiệm vụ cho nhân viên vật tư chủ động liên hệ và trực tiếp thuê xe nhận hàng và đem đến công trình để thi công. Sau khi nhận đủ số hàng hóa đặt mua thì công ty đã thanh toán tiền cho công ty P và nhận 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng. Trên thực tế công ty TT và công ty P không xác định có mối quan hệ mua bán hàng hóa trực tiếp với nhau. Hóa đơn này do nhân viên của công ty nhận đem về nộp lại công ty để thanh toán (hiện nay công ty không nhớ rõ đã giao cho người nào thực hiện việc này). N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 51.700.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 11.900.000 đồng.

1.72. Công ty TNHH MTV Xây dựng Y3 thi công công trình tại tỉnh Thừa Thiên Huế, quá trình thi công, công ty giao nhiệm vụ cho giao cho Đội 10 thi công công trình dự án cao tốc La Sơn- Túy Loan trực thuộc công ty tự chủ động

liên hệ và trực tiếp thuê xe nhận hàng, mua hàng và đem đến công trình để thi công. Theo báo cáo lại của nhân viên, thời điểm này, xí nghiệp có liên hệ ký hợp đồng với công ty P để mua hàng hóa nhưng không nhớ cụ thể là ai. Quá trình mua bán hàng hóa đã thanh toán tiền cho phía bán hàng và nhận 01 tờ hóa đơn của công ty P. N đã thừa nhận bán 01 hóa đơn GTGT với số tiền 4.300.000 đồng. Sau khi kê khai nộp thuế 10% N thu lợi bất chính số tiền 930.455 đồng.

1.73. Còn lại 36 hóa đơn đã xuất còn lưu liên 1 và liên 3 khi thu giữ tại Công ty P, Lê Mộng N khai nhận đã bán với số tiền tổng cộng là: 213.775.000 đồng, thu lợi 39.010.164 đồng. Toàn bộ 36 hóa đơn trên, Lê Mộng N đã thừa nhận bán khống cho các doanh nghiệp thông qua các cá nhân, lái xe không rõ nguồn gốc. Do thời gian đã lâu, địa chỉ người mua không rõ ràng, nên Cơ quan điều tra không xác minh được cụ thể người mua.

Tổng cộng N đã bán 413 hóa đơn GTGT của Công ty P để thu lợi bất chính số tiền 661.803.813 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 6/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Mộng N phạm tội “Mua, bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Mộng N 15 (mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 15/4/2022, bị cáo Lê Mộng N nộp đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo. Lý do kháng cáo: bản án sơ thẩm xác định bị cáo giữ vai trò chính là không đúng, vì bị cáo là kế toán, vai trò ký giấy tờ do giám đốc chịu trách nhiệm chính, bị cáo chỉ là đồng phạm; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ; bị cáo lần đầu phạm tội; mức án 15 tháng tù là nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Vụ án thuộc trường hợp có nhiều đồng phạm, trong đó bị cáo Lê Mộng N giữ vai trò thứ yếu so với bị cáo Phan Văn Đ1. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng nên mức án 15 tháng tù là không nặng nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Về án treo: bị cáo Phan Văn Đ1 là Giám đốc Công ty, là người có chức vụ quyền hạn, giữ vai trò chính trong hoạt động của doanh nghiệp. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Được mức án 12 tháng tù, nhẹ hơn bị cáo N và cho hưởng án treo là không công bằng và không đúng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng thời kiến nghị Toà án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với bị cáo Phan Văn Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Mộng N vắng mặt, theo qui định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: năm 2016, Phan Văn Đ1 và vợ là Lê Mộng N thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ P (viết tắt là Công ty P). Từ cuối năm 2016 đến giữa năm 2017, Lê Mộng N cùng với Phan Văn Đ1 đã có hành vi bán trái phép 413 hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt GTGT) đã ghi nội dung, nhưng thực tế không có giao dịch bán hàng hóa cho nhiều công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thu lợi bất chính số tiền 661.803.813 đồng. Trong đó, N đã bán cho Đặng Thị Thu Ng 151 hóa đơn GTGT, để Ng bán lại cho người khác thu lợi bất chính số tiền 46.650.000 đồng; N bán cho Nguyễn Thị Kim Ng 42 hóa đơn GTGT để Kim Ng bán lại cho người khác thu lợi bất chính 25.400.000 đồng. Nguyễn QA và Ngô Quý Thùy Linh là người mua trái phép 13 hóa đơn GTGT, Nguyễn Xuân H3 mua trái phép 11 hóa đơn GTGT đã ghi nội dung, nhưng thực tế không có giao dịch mua, bán hàng hóa với công ty P do bị cáo N bán.

[3] Hành vi của các bị cáo Lê Mộng N, Phan Văn Đ1, Đặng Thị Thu Ng, Nguyễn Thị Kim Ng đã phạm tội “Mua, bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn QA, Ngô Quý Thùy Linh Anh, Nguyễn Xuân H3 đã phạm tội “Mua trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Mộng N xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo N là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51

của Bộ luật Hình sự; đồng thời bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền đã thu lợi bất chính nhằm khắc phục hậu quả nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tuy nhiên bị cáo N có 08 lần phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội phạm qui định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự và 02 lần phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội phạm qui định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự (trường hợp bán 31 hóa đơn cho Công ty HTN và 32 hóa đơn cho Công ty TGT) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không đúng (áp dụng tương tự Tiểu mục 3.3 mục 3 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù là nhẹ nên không có cơ sở giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

[5] Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có các sai phạm đối với bị cáo Phan Văn Đ1 trong vụ án như sau: Bị cáo Phan Văn Đ1 là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Lê Mộng N phạm tội. Do bị cáo Lê Mộng N phạm tội thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” nên bị cáo Phan Văn Đ1 cũng phạm tội thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần”. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Văn Đ1 là không đúng; bị cáo là Giám đốc Công ty, là người có chức vụ quyền hạn, biết Công ty không có hoạt động kinh doanh nhưng vẫn trực tiếp ký 204 hóa đơn (liên 2), các hóa đơn còn lại bị cáo giao con dấu chữ ký cho vợ ký không vào hóa đơn để bán thu lợi bất chính; trong nhiều lần phạm tội bị cáo có hai lần phạm tội thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng (trường hợp bán 31 hóa đơn cho Công ty HTN và 32 hóa đơn cho Công ty TGT). Theo qui định tại Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP nói trên, bị cáo Phan Văn Đ1 thuộc trường hợp không cho hưởng án treo, Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là không đúng pháp luật.

[6] Mặc dù có những sai sót trên nhưng bản án sơ thẩm chỉ có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Mộng N và không có kháng nghị phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, do đó Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét bản án sơ thẩm này theo trình tự giám đốc thẩm đối với bị cáo Phan Văn Đ1.

[7] Bị cáo Lê Mộng N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Mộng N;
2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 6/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Mộng N 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Mua, bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”;

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lê Mộng N phải chịu 200.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự